

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/DS-PT

Ngày: 17-02-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự mua
bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Kha

Các Thẩm phán:

Ông Lê Quang Tấn

Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 223/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Trương Văn M (Mười Đồi), sinh năm 1965. Có mặt

Địa chỉ: Số 64, Ấp C, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1961. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Lê Thị V, sinh năm 1971 (vợ ông R). Có mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp Lô 12, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 01 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Văn M trình bày:***

Ngày 10/01/2006 âm lịch (nhằm ngày 07/02/2006) vợ chồng ông Nguyễn Văn R, bà Lê Thị V (sau đây gọi tắt là ông R, bà V) có đến cửa hàng ông Trương Văn M (gọi tắt là ông M) để mua nợ tiền phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, tổng số tiền 14.969.000 đồng. Hai bên thỏa thuận sau 04 tháng (tức là đến khi vợ chồng ông R, bà V thu hoạch lúa xong sẽ thanh toán tiền cho ông M). Đến ngày 13/5/2009 vợ chồng ông R, bà V trả cho ông M được số tiền 1.000.000 đồng; nên nợ gốc còn lại là 13.969.000 đồng.

Đến ngày 23/3/2010, các bên chốt nợ là vợ chồng ông R, bà V còn thiếu ông M nợ gốc là 13.969.000 đồng, ông M đồng ý để cho vợ chồng ông R, bà V đến ngày 25/5/2010 thanh toán dứt nợ, nhưng đến nay vợ chồng ông R, bà V vẫn chưa thanh toán. Ông M yêu cầu vợ chồng ông R, bà V trả tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật còn thiếu là 13.969.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 25/5/2010 đến khi Tòa án xét xử.

****Tại biên bản hòa giải ngày 12/8/2022 bị đơn bà Lê Thị V trình bày:*** Bà V thừa nhận ngày 10/01/2006 âm lịch ông R có đến cửa hàng của ông M mua nợ tiền phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, hiện vợ chồng bà V, ông R còn nợ ông M số tiền 13.969.000 đồng, nhưng do hiện nay hoàn cảnh gia đình bà có khó khăn về kinh tế nên xin ông M giảm tiền lãi suất, còn nợ gốc 13.969.000 đồng, bà V xin hẹn đến khi nào bà V bán được diện tích 15 công đất, tọa lạc tại ấp Dân Quân, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang thì vợ chồng bà V, ông R sẽ trả cho ông M. Nếu ông M có gấp thu hồi nợ thì vợ chồng bà đồng ý bán đất cho ông M.

****Tại bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

- Căn cứ các Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các khoản 2 Điều 305, Điều 428, Điều 438; Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468; điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 3 Nghị quyết số: 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn Mười đối với bị đơn ông Nguyễn Văn R, bà Lê Thị V về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn R, bà Lê Thị V có trách nhiệm trả cho ông Trương Văn M số tiền 29.464.000 đồng (hai mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 13.969.000 đồng, nợ lãi là 15.495.000 đồng.

Các bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Khi bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Nguyễn Văn R, bà Lê Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 1.473.000 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Ông Trương Văn M được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 374.225 đồng (Ba trăm bảy mươi bốn nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0003156 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2022 bà Lê Thị V có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không tính tiền lãi suất đối với vợ chồng bà theo bản án sơ thẩm của tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng. Còn phần nợ gốc vợ chồng bà thiếu vợ chồng ông M là 13.969.000 đồng khi nào phát mãi tài sản của bà Bé H, vợ chồng bà nhận tiền của bà Bé H sẽ trả đủ cho vợ chồng ông M. Nếu vợ chồng ông M không chờ phát mãi tài sản của bà Bé H thì vợ chồng bà đồng ý trả cho vợ chồng ông M mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi nào hết số nợ. Bắt đầu trả nợ từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Lê Thị V giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn ông Trương Văn M không có kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U Minh

Thượng, tỉnh Kiên Giang, tuy nhiên ông đồng ý giảm cho bà V 1.464.000 đồng, còn lại yêu cầu bà V trả là 28.000.000 đồng cả gốc và lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị V; sửa bản án sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị V về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn R vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm: Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị V, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà V thừa nhận ngày 10/01/2006 âm lịch ông R có đến cửa hàng của ông M mua nợ tiền phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, hiện vợ chồng bà V, ông R còn thiếu ông M nợ gốc là 13.969.000 đồng, do vợ chồng bà V, ông R có khó khăn về kinh tế nên bà V xin ông M giảm tiền lãi suất, còn nợ gốc 13.969.000 đồng bà V xin trả cho ông M mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Bắt đầu trả nợ từ ngày 25/9/2022 nhưng phía nguyên đơn không đồng ý. Xét về tổng số nợ các bên đã thống nhất, thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hai bên chỉ còn tranh chấp về phương thức trả nợ và tiền lãi

suất.

Xét việc bà V xin trả cho nguyên đơn ông M số tiền 13.969.000 đồng, với hình thức trả trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ, HĐXX cho rằng: Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: *“Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành”*. Do đó, việc bà V xin trả nợ cho nguyên đơn với hình thức nêu trên là không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Về phần lãi suất: Việc bị đơn mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của ông M trong năm 2006 và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền 13.969.000 đồng. Do các bên không có thỏa thuận về lãi suất, nhưng các bên có xác nhận công nợ và nguyên đơn ông M đồng ý để bị đơn đến ngày 25/5/2010 thanh toán nợ và tại phiên tòa ông M yêu cầu tính tiền lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 25/5/2010 đến xét xử, HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005 về trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự. Bà V chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả. Theo Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của ngân hàng Nhà nước thì lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm, quy ra tháng là 0,75%/tháng để tính lãi suất. Lãi suất từ ngày 25/5/2010 đến ngày 22/9/2022 là 147 tháng 27 ngày.

Lãi suất được tính: $13.969.000đ \times 147 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} \times 0,75\%/tháng = 15.495.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền 29.464.000 đồng (Trong đó nợ gốc là 13.969.000 đồng, nợ lãi là 15.495.000 đồng).

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với các quy định của pháp luật. Các lý do kháng cáo mà người kháng cáo đã đưa ra là không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông M đồng ý giảm cho bà V, ông R số tiền 1.464.000 đồng, còn lại là 28.000.000 đồng cả gốc và lãi. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của ông M. Buộc ông R bà V phải trả cho ông M số tiền tổng cộng gốc và lãi là 28.000.000 đồng, trong đó gốc là 13.969.000 đồng, nợ lãi là 14.031.000 đồng. Việc sửa án này cấp sơ thẩm không có lỗi.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Nguyễn Văn R, bà Lê Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền 28.000.000 đồng là 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ông Trương Văn M được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 374.225 đồng (Ba trăm bảy mươi bốn nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số

0003156 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng các khoản 2 Điều 305, Điều 428, Điều 438; Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468; điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 3 Nghị quyết số: 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lệ phí, án phí Tòa án.
- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Vĩnh
- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Trương Văn M và bà Lê Thị V về việc ông Mười đồng ý giảm cho bà V, ông R số tiền 1.464.000 đồng, còn lại ông R bà V phải trả cho ông M là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) cả gốc và lãi. Trong đó nợ gốc là 13.969.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng), nợ lãi là 15.495.000 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Các bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Khi bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Nguyễn Văn R, bà Lê Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ông Trương Văn M được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 374.225 đồng (Ba trăm bảy mươi bốn nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0003156 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003376 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện UMT;
- THA dân sự huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán Thẩm phán Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Kha